

# PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ NGÂN HÀNG SỐ KHU VỰC NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN VIỆT NAM

**Đàm Hồng Phương<sup>1</sup>**  
**Email: huyenvcbnho@gmail.com**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 21/07/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.684

**Tóm tắt:** Trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế của Việt Nam đã và đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ. Tuy nhiên cho đến nay, dân số nông thôn, lao động nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Sản xuất nông lâm thủy hải sản đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng GDP hàng năm, đặc biệt là về kim ngạch xuất khẩu lĩnh vực này không ngừng tăng cao. Vì vậy mở rộng dịch vụ ngân hàng số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, sản xuất nông nghiệp và năng lực kinh tế số của người nông dân đang được các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam đẩy mạnh. Song thực tiễn cũng cho thấy, việc mở rộng ngân hàng số tới khu vực này đang gặp phải những khó khăn không nhỏ, cần có biện pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển mạnh hơn nữa trong thời gian tới. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tập trung làm rõ các nội dung như đã đề cập.

**Từ khóa:** phát triển dịch vụ, ngân hàng số, nông nghiệp - nông thôn, hội nhập quốc tế

## I. Đặt vấn đề

Khu vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân do điều kiện về giao thông, địa lý, trình độ dân trí và mức thu nhập, nên còn có khoảng cách nhất định so với khu vực đô thị về phát triển kinh tế số nói chung và dịch vụ ngân hàng số nói riêng. Song đây cũng là thị trường dịch vụ ngân hàng số còn rất nhiều tiềm năng, nên trong thời gian qua các Ngân hàng thương mại (NHTM), các trung gian thanh toán, các ví điện tử đang cạnh tranh phát triển mạnh thanh toán số. Vì vậy phân tích quá

trình triển khai của Ngân hàng nhà nước (NHNN) Việt Nam, của các NHTM, các tổ chức khác về phát triển dịch vụ ngân hàng số ở nông thôn có tính hết sức thiết thực và tính cấp bách.

## II. Phương pháp nghiên cứu

Bài tham luận nghiên cứu về thực tiễn, tác giả không xây dựng cơ sở lý thuyết và cũng không tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng mô hình nghiên cứu, giả thiết nghiên cứu. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính truyền thống sử dụng tư liệu và số liệu thứ cấp

---

<sup>1</sup> Trường Đại học Hùng Vương

của các cơ quan chức năng, các tổ chức, tiến hành tổng hợp, phân tích, so sánh và đánh giá, đưa ra các nhận xét và khuyến nghị có liên quan.

### **III. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

#### **3.1. Cơ sở lý luận chủ yếu về phát triển dịch vụ ngân hàng số nông nghiệp - nông thôn**

##### **3.1.1. Khái niệm**

Bài viết xin trình bày một số khái niệm cơ bản. Ngân hàng số là mô hình ngân hàng ứng dụng công nghệ số (Internet, di động, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain...) để cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính - ngân hàng cho khách hàng mà không phụ thuộc nhiều vào chi nhánh vật lý (World Bank, 2022).

Còn Dịch vụ ngân hàng số trong nông nghiệp, nông thôn được hiểu là việc cung ứng các dịch vụ tài chính - tín dụng, thanh toán, tiết kiệm, bảo hiểm... qua nền tảng số, hướng đến đối tượng chính là hộ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp và cộng đồng dân cư nông thôn (State Bank of Vietnam [SBV], 2021).

##### **3.1.2. Đặc điểm của dịch vụ ngân hàng số trong nông nghiệp, nông thôn**

Có thể khái quát một số đặc điểm chính của dịch vụ ngân hàng số trong nông nghiệp, nông thôn, đó là: Thứ nhất, đối tượng phục vụ đặc thù: thu nhập không ổn định, phụ thuộc mùa vụ, mức độ tiếp cận công nghệ hạn chế. Thứ hai, nhu cầu đa dạng: từ thanh toán nhỏ lẻ, vay vốn mùa vụ, bảo hiểm nông nghiệp đến kiều hối. Thứ ba, cơ sở hạ tầng: hạn chế về Internet, smartphone, mạng lưới viễn thông ở vùng sâu vùng xa. Thứ tư, tính đơn giản - tiện lợi: sản phẩm số cần thiết để dùng, giao diện thân thiện, hỗ trợ ngôn ngữ địa phương. (NAPAS, 2025).

##### **3.1.3. Vai trò của phát triển dịch vụ ngân hàng số đối với nông nghiệp, nông thôn**

Đối với khách hàng (nông dân, hợp tác xã): Tăng khả năng tiếp cận vốn, dịch vụ tài chính an toàn và tiết kiệm chi phí; Giúp giao dịch nhanh chóng, minh bạch, giảm rủi ro tiền mặt; Hỗ trợ quản lý tài chính cá nhân và sản xuất nông nghiệp hiệu quả.

Đối với ngân hàng: Mở rộng thị phần, gia tăng khách hàng ở khu vực nông thôn - nơi còn nhiều tiềm năng. Giảm chi phí vận hành do ít phụ thuộc chi nhánh vật lý. Tăng cường dữ liệu khách hàng để phát triển sản phẩm tín dụng nông nghiệp phù hợp.

Đối với nền kinh tế - xã hội: Góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện, thu hẹp khoảng cách số giữa đô thị và nông thôn. Hỗ trợ quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển nông nghiệp thông minh. Nâng cao minh bạch, hạn chế tín dụng đen ở nông thôn.

##### **3.1.4. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ ngân hàng số trong nông nghiệp, nông thôn**

Có khá nhiều nhân tố khác nhau ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ ngân hàng số trong nông nghiệp, nông thôn. Một là, hạ tầng công nghệ thông tin - viễn thông: chất lượng mạng Internet, độ phủ smartphone. Hai là, môi trường pháp lý: hành lang pháp lý cho ngân hàng số, eKYC, chữ ký số, thanh toán không tiền mặt. Ba là, trình độ dân trí, tài chính và số: kỹ năng sử dụng công nghệ của người dân nông thôn. Bốn là, chính sách hỗ trợ của Nhà nước: chương trình tài chính toàn diện, hỗ trợ tín dụng nông nghiệp. Năm là, chiến lược phát triển của ngân hàng: đầu tư vào công nghệ, sản phẩm đặc thù cho nông thôn. Sáu là, yếu tố văn hóa - xã hội:

thói quen dùng tiền mặt, sự tin tưởng vào ngân hàng. (NAPAS, 2025).

#### **IV. Kết quả và thảo luận**

##### **4.1. Chủ trương và chính sách về chuyển đổi số**

Cuộc cách mạng công nghiệp công nghệ lần thứ 4 gắn liền với chuyển đổi số, phát triển Kinh tế số, Xã hội số, Chính phủ số đã và đang trở thành động lực chính dẫn dắt xu thế phát triển kinh tế giới và mỗi quốc gia. Việt Nam được đánh giá là một quốc gia có dân số trẻ, có tốc độ tăng trưởng người sử dụng Internet rất nhanh cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó.

Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cộng sản Việt Nam, phần Chiến lược kinh tế xã hội 10 năm giai đoạn 2021- 2030 cũng đã nhấn mạnh, phải đổi mới tư duy hành động, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển xã hội số, kinh tế số coi đây là nhân tố quyết định nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh.

Một trong những mục tiêu cao nhất của chuyển đổi số là phổ cập, cá nhân hóa dịch vụ số như giáo dục, y tế, ngân hàng để tới người dân. Từ nông thôn, vùng sâu, vùng xa...đều có thể tiếp cận được dịch vụ trực tuyến một cách công bằng, văn minh và hiện đại.

Chuyển đổi số trong nông nghiệp là một trong 8 lĩnh vực ưu tiên trong chuyển đổi số, trong đó, người nông dân là trung tâm của chuyển đổi số. Việc tham gia chuyển đổi số của nông dân góp phần không nhỏ cho thành công của chương trình chuyển đổi số Quốc gia. Xác định chuyển đổi số với 3 trụ cột chính là chính phủ số, kinh tế số, xã hội số nhằm tạo sự bứt phá mạnh mẽ về tăng năng suất, sức cạnh tranh của nền kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước cũng như nâng cao đời sống cho người dân.

Chuyển đổi số mang tính sứ mệnh lịch sử trong thay đổi phương thức sản xuất, tư duy, giao dịch thương mại. Tuy nhiên sứ mệnh cao cả đó càng phải làm rõ nội hàm về khả năng thích ứng, nguy cơ giúp nông dân thực hiện nhanh bền vững.

Ngành Ngân hàng phấn đấu tạo điều kiện thuận lợi người dân sử dụng dịch vụ trên môi trường điện tử, đến năm 2025 có 50% quyết định cho vay vốn tín dụng nhỏ lẻ cho các hộ gia đình, cá nhân được thực hiện trên môi trường điện tử. Việc này liên quan tới hỗ trợ phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, nông thôn... Với chỉ tiêu trên, NHNN hướng đến cung cấp các dịch vụ, sản phẩm số đến người dân, đặc biệt, người nông dân ở vùng sâu, vùng xa.

##### **4.2. Triển khai phát triển dịch vụ ngân hàng số trong khu vực nông nghiệp - nông thôn**

###### **4.2.1. Triển khai của Ngân hàng nhà nước**

NHNN ban hành Quyết định số 810/2021/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021 phê duyệt “Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. (SBV, 2021)

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt (có hiệu lực từ ngày 1/7/2024) và NHNN Việt Nam đã ban hành Thông tư 40/2024/TT-NHNN (có hiệu lực từ ngày 17/7/2024) quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã ảnh hưởng rất lớn đến các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán. (SBV, 2024a)

Về mặt hoàn thiện môi trường pháp lý, Ngân hàng nhà nước (NHNN) Việt Nam đã và đang triển khai nhiều nội dung cụ thể trong lĩnh vực này, nhằm đảm bảo

các hành lang pháp lý để các tổ chức tín dụng (TCTD, các tổ chức trung gian thanh toán triển khai cung cấp dịch vụ tới người dân ở tất cả các vùng nông thôn. NHNN đã tiến hành rà soát các quy định pháp lý có liên quan, tiến hành sửa đổi, bổ sung trong các văn bản hiện hành, chuẩn bị ban hành mới các nội dung khác có liên quan lồng ghép trong các quy định chung về dịch vụ ngân hàng số.

Mới đây NHNN đã ban hành Thông tư số 17/2024/TT- NHNN, có hiệu lực từ ngày 1/7/2024. Theo đó, việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán để thực hiện các giao dịch trực tuyến bắt buộc phải thu thập thông tin sinh trắc học của khách hàng. NHNN cũng đang tiếp tục hoàn thiện Thông tư 17 trong năm 2025 theo hướng siết chặt hơn việc xác thực sinh trắc học, nhằm đảm bảo an toàn tài sản của người dân. (SBV, 2024a)

Đối với việc bảo mật thông tin, NHNN đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng cường công tác quản lý rủi ro, đảm bảo an ninh, an toàn và đẩy mạnh áp dụng các biện pháp hạn chế việc mở, sử dụng tài khoản thanh toán cho mục đích gian lận, lừa đảo; triển khai hoạt động truyền thông về cơ chế, chính sách chuyển đổi số ngân hàng, xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục tài chính trên truyền hình và các phương tiện truyền thông đại chúng. Các tổ chức tín dụng triển khai kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ứng dụng dữ liệu dân cư. (SBV, 2024a)

Bên cạnh làm tốt các hoạt động thanh toán số, mới đây NHNN đã ban hành Thông tư cho phép vay tiêu dùng trên môi trường số, khôn khổ pháp lý để hoàn thiện quá trình cho vay này cũng đã được triển khai. NHNN chỉ đạo các ngân hàng thương mại bên cạnh việc đánh giá khách

hàng vay, khả năng trả nợ của khách hàng vay theo phương án truyền thống, NHNN cũng đang phối hợp với Bộ Công an đánh giá dưới 2 khía cạnh là xác thực khách hàng và đánh giá khách hàng dựa trên cơ sở dữ liệu trên căn cước công dân. Khi các dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư “giàu có” hơn với những thông tin khác, bao gồm thuế, bảo hiểm xã hội... thì ngân hàng sẽ tiến hành cho vay tín chấp nhiều hơn. (SBV, 2024b)

#### *4.2.2. Triển khai của các ngân hàng thương mại và tổ chức trung gian khác*

Về mặt triển khai cụ thể, toàn bộ các Ngân hàng thương mại (NHTM) và Tổ chức trung gian thanh toán khác, như: các ví điện tử, Mobile Money, đang phát triển mạnh mẽ dịch vụ ngân hàng số tới các hộ gia đình ở nông thôn, ứng dụng trong nông nghiệp, đặc biệt là ứng dụng Mobile Banking. Ứng dụng dịch vụ mobile banking cho phép người nông dân đăng ký, sử dụng các dịch vụ ngân hàng số, như: tiền gửi, thanh toán, vay, chuyển tiền, gửi tiết kiệm, truy vấn thông tin lãi suất và tỷ giá, lựa chọn các dịch vụ ngân hàng 4.0. Các hộ nông dân không cần đến phòng giao dịch, chi nhánh, họ có thể giao dịch trên điện thoại thông minh, máy tính xách tay, máy tính để bàn, Ipad ở bất cứ đâu các sóng viễn thông, có internet. (Agribank, 2025)

Với việc triển khai đồng bộ của các TCTD, nên tỷ lệ bao phủ dịch vụ ngân hàng số đã và đang tăng trưởng mạnh. Tính đến hết đến tháng 5/2025, tỷ lệ số xã, thị trấn có điểm cung ứng dịch vụ tài chính, dịch vụ ngân hàng số trên tổng số xã, thị trấn trên toàn quốc đạt trên 85%. Ngoài ra, tại khu vực nông thôn đã có trên 11 triệu thẻ ngân hàng được mở bằng eKYC và 28 triệu tài khoản cá nhân mở bằng eKYC.

Con số 28 triệu khách hàng cá nhân này cũng tức là số người ở nông thôn có thể sử dụng dịch vụ ngân hàng số nếu có các thiết bị di động, máy tính. Nhiều dịch vụ thanh toán mới, hiện đại, như: thẻ ngân hàng, thanh toán trên điện thoại di động sử dụng QR code, ví điện tử,...được các ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán triển khai, cung ứng, đang phát triển rất mạnh ở nhiều vùng nông thôn, vùng miền núi, biên giới, hải đảo. [SBV], 2025b).

Về số lượng giao dịch, nếu như năm 2019, hệ thống thanh toán bù trừ có khoảng 700 triệu giao dịch, là một con số mơ ước thời điểm đó thì đến năm 2023, số lượng giao dịch đã đạt 7 tỷ giao dịch, gấp 10 lần so với năm 2019, đến tháng 5/2025 đạt trên 11 tỷ giao dịch. Điều này thể hiện sự tăng trưởng vượt bậc, là thành quả từ các chính sách của NHNN, quyết tâm của các NHTM. (SBV, 2025).

Hiện nay hầu hết gia đình ở nông thôn có thể dễ dàng chuyển tiền vào bất cứ thời gian nào, bất cứ ở đâu nếu có Internet cho con em đi học, đi làm, người thân ốm đau điều trị tại bệnh viện, hay các cho trả, trợ giúp tài chính khác, được thực hiện trên môi trường mạng, qua dịch vụ ngân hàng số. Tương tự, người thân, con em đi làm ăn xa chuyển tiền về cho gia đình ở tất cả các vùng nông thôn cũng đều thực hiện tức thời trên dịch vụ Internet Banking, Mobile Banking, Mobile money rất tiện lợi, không tốn chi phí chuyển tiền và an toàn. (NAPAS. 2025a)

#### *4.2.3. Triển khai dịch vụ Mobile Money thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt ở vùng nông thôn*

Cùng với thanh toán số qua tài khoản tại NHTM, thì dịch vụ Mobile Money do Bộ Thông tin và Truyền thông, nay là Bộ Khoa học và Công nghệ, khởi xướng

nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hỗ trợ người không có tài khoản ngân hàng, người dân tại vùng nông thôn, miền núi và hải đảo cũng đã được triển khai trong toàn quốc. Dịch vụ Mobile Money đang được triển khai từ nhiều năm qua tại 92 quốc gia trên thế giới, song mới được triển khai thí điểm tại Việt Nam từ cuối năm 2021. (NAPAS. 2025a)

Khác với ví điện tử, Mobile Money cung cấp cho người dân sử dụng một tài khoản gắn liền với thuê bao di động. Họ có thể sử dụng tài khoản này để chuyển tiền, thanh toán dịch vụ, hàng hóa. Dịch vụ được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cấp phép triển khai thí điểm từ cuối 2021, trong vòng 2 năm. Tính đến hết năm 2024, tổng số người dùng Mobile Money lũy kế đạt 9,6 triệu; trong đó, gần 72% thuê bao sống ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, tương đương 6,9 triệu người. (NAPAS. 2025b)

Cả nước hiện có 275.960 đơn vị chấp nhận thanh toán Mobile Money, trong đó có các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, giáo dục, viễn thông, hành chính công. Tổng doanh số giao dịch: nạp, rút, chuyển tiền, thanh toán là hơn 148 triệu lượt giao dịch, tổng giá trị giao dịch hơn 5.397 tỷ đồng. (NAPAS. 2025b)

### **4.3. Một số đánh giá về phát triển dịch vụ ngân hàng số nông nghiệp - nông thôn**

#### *4.3.1. Ưu điểm*

Các NHTM, các công ty cung cấp ví điện tử đều nhận thức rõ tiềm năng to lớn của khách hàng ở khu vực nông thôn nên tập trung nhân lực, phát triển mạng lưới, đẩy mạnh dịch vụ ngân hàng số ở tất cả các vùng nông thôn, nên đem lại kết quả rất quan trọng cho nền kinh tế, đem lại lợi ích cho các NHTM cũng như cho người



nông dân. Bản thân nhiều người nông dân nhận thức rõ được lợi ích của dịch vụ ngân hàng số: thanh toán không cần lo tiền lẻ, tiền chẵn, tiền mệnh giá to, mệnh giá nhỏ, tiền giả, tiền cú rách; khách hàng từ mọi vùng tổ quốc chuyển tiền đặt cọc, thanh toán mua nông sản của bà con nông dân, tăng khả năng tiêu thụ nông sản, đem lại thu nhập cho họ.

Song chính các chi nhánh Ngân hàng thương mại (NHTM), cũng nhận thức được lợi ích của phát triển dịch vụ ngân hàng số đến các khu vực nông nghiệp nông thôn, mở rộng địa bàn, mở rộng thị trường, thu hút khách hàng tiềm năng, tăng doanh số theo chỉ tiêu khoán của Hội sở chính NHTM nên cũng đẩy mạnh tiếp thị, thu hút trẻ, người nông dân ở mọi vùng miền. Trong số đó, các chi nhánh Agribank đang dẫn đầu toàn ngành ngân hàng về số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng số ở nông thôn, về số lượng tài khoản và về mạng lưới cung cấp dịch vụ ngân hàng số.

Hiện nay hầu hết các chợ ở vùng nông thôn, các cửa hàng, cửa hiệu, quán ăn, tiệm sửa xe, quán cà phê hay ăn sáng, dịch vụ xe chở khách, đóng học phí, chi trả học phí hay viện phí, trả tiền điện hay điện thoại, từ miền biển đến vùng núi, đều dễ dàng sử dụng mã QR, chuyển khoản trên điện thoại thông minh minh để thanh toán, chuyển tiền, kiểm tra số dư hay các dịch vụ ngân hàng khác. Tại nhiều ở một số tỉnh miền núi còn hình thành Chợ 4.0, mọi giao dịch thanh toán tại chợ đều được thực hiện qua Mobile Banking. Tính đến nay có khoảng 320 chợ ở các vùng nông thôn đã và đang thực hiện thanh toán qua dịch vụ 4.0 qua điện thoại di động.

Phát triển dịch vụ ngân hàng số góp phần thúc đẩy thương mại điện tử, thúc

đẩy các hoạt động quảng bá và tiêu thụ nông sản, du lịch ở nông thôn. Nhiều hộ gia đình ở nông thôn, nhiều chủ trang trại, hộ kinh doanh nông sản, như: cam Cao Phong, Cam Bó Hạ, Bưởi Diễn,... được quảng bá, bá hàng cho du khách, kèm theo đó dịch vụ đặt cọc, thanh toán đều được thực hiện trên nền tảng Internet Banking. Các dịch vụ Homestay ở nhiều vùng miền núi, như: Mộc Châu, Mai Châu, Pú Uông, Tà Xùa, Y Tý, Sìn Sải Hồ, Đồng Văn, Hoàng Su Phì, nhiều địa danh tại Sa Pa,... khách hàng quốc tế và trong nước dễ dàng lựa chọn cơ sở nghỉ ngơi và thanh toán online. (Agribank, 2025)

Các dịch vụ du lịch, lễ hành khác ở các địa phương được người nông dân sử dụng để bán hàng, cung ứng dịch vụ quảng bá các loại nông sản, sản phẩm du lịch và nghỉ dưỡng,... thực hiện trên nền tảng công nghệ số, kết hợp giữa thương mại điện tử với công nghệ ngân hàng số trong thanh toán, chi trả tiền khi thực hiện đơn đặt hàng. (Agribank, 2025)

#### 4.3.2. Một số bất cập

**Một là**, ngành Ngân hàng không thể cung cấp dịch vụ ngân hàng số có kết quả cao và hoàn thành chiến lược tài chính quốc gia tới khu vực nông thôn nếu thiếu sự phối hợp của Bộ Nông nghiệp & Môi trường, Bộ Công thương, Hội Nông dân, Liên minh HTX VN. Song sự phối hợp và sự tham gia này chưa đồng bộ chưa kịp thời. Một số cơ quan, tổ chức chưa thấy rõ trách nhiệm cụ thể của mình trong phát triển dịch vụ số tới người nông dân, khu vực nông nghiệp, tiêu thụ nông sản.

**Hai là**, môi trường pháp lý và hạ tầng viễn thông cho dịch vụ ngân hàng số ở nông thôn còn thiếu, chưa đầy đủ, đặc biệt là các chế tài bảo mật thông tin, quy định về chứng từ điện tử, hóa đơn điện tử,

chữ ký điện tử; quy định xử lý tội phạm trên không gian mạng chưa đủ mạnh.

**Ba là**, Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) Việt Nam, hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND), các tổ chức tài chính vi mô chậm triển khai dịch vụ ngân hàng số. Trong khi các TCTD này có rất đông khách hàng giao dịch thường xuyên ở vùng nông thôn

**Bốn là**, nhiều doanh nghiệp kinh doanh ở nông thôn chưa triển khai các dịch vụ số trong hoạt động kinh doanh của mình, chưa có sự kết nối với dịch vụ ngân hàng số.

**Năm là**, tình trạng lừa đảo trên không gian mạng, tín dụng đen trên không gian mạng vẫn hoạt động thường xuyên, ảnh hưởng tiêu cực đến dịch vụ ngân hàng số. Trong khi các cơ quan chức năng chưa có biện pháp ngăn chặn hiệu quả và kịp thời.

**Sáu là**, cơ sở dữ liệu dân cư, dịch vụ công trực tuyến triển khai chậm ở vùng nông thôn, trong giao dịch còn nhiều trục trặc và chưa đồng bộ, chậm hướng dẫn cụ thể cho người nông dân.

#### **4.4. Khuyến nghị giải pháp**

Từ những nội dung phân tích, trình bày ở trên, để góp phần thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng ở khu vực nông nghiệp- nông thôn thời gian tới, bài viết xin có một số khuyến nghị sau đây:

**Một là**, NHNN cần tiếp tục, khẩn trương hoàn thiện cơ chế chính sách, khung khổ pháp lý; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tại kế hoạch phối hợp giữa Bộ Công an và NHNN trong việc ứng dụng dữ liệu dân cư để làm sạch dữ liệu, xác thực trực tuyến, cung ứng dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là đơn giản quy trình cho vay trên cơ sở giải

pháp đánh giá khả tín khách hàng...; tiếp tục nâng cấp phát triển hạ tầng công nghệ phục vụ chuyển đổi số như hạ tầng thanh toán điện tử liên ngân hàng, hạ tầng thông tin tín dụng; ứng dụng công nghệ để phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số tiện lợi, chi phí thấp; nâng cấp, mở rộng kết nối hệ thống thanh toán, hệ sinh thái số ngành ngân hàng; tiếp tục tăng cường công tác đào tạo và tuyên truyền, giáo dục tài chính cho người dân; bố trí nguồn lực phục vụ cho chuyển đổi số...

**Hai là**, cần có các biện pháp cụ thể, sát thực tiễn phát huy vai trò của Hội Nông dân các cấp trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia, góp phần giúp người nông dân chuyển đổi số thành công. Đây là cụ thể hoá của Hội Nông dân Việt Nam trong thực hiện Nghị quyết số 52 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, biện pháp về chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp 4.0; Quyết định số 749 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 và định hướng 2030. Các Nghị quyết và quyết định khác có liên quan đã được đề cập ở trên.

**Ba là**, đối với các NHTM, bên cạnh quảng bá số lượng khách hàng, địa điểm giao dịch, các ngân hàng cần tăng cường truyền thông về tính năng của các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, cái tốt và tiện cho hộ nông dân, khách hàng ở nông thôn... Các dịch vụ ngân hàng có thiết kế cho vùng sâu, vùng xa nên các ngân hàng cần lắng nghe ý kiến của bà con nông dân.

**Bốn là**, Tập trung vào một số nội dung như: Tầm quan trọng của kinh tế số và vai trò của chuyển đổi số tài chính, ngân hàng tại khu vực nông thôn; Đánh giá của nông dân khi trải nghiệm các dịch vụ, sản phẩm số của ngân hàng, doanh nghiệp

viễn thông; Hạ tầng số, cơ sở dữ liệu, bảo mật hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu phát triển các sản phẩm tài chính số chưa? Kinh nghiệm triển khai sản phẩm tài chính, ngân hàng số ở nước ngoài; Kinh nghiệm hỗ trợ nông dân, ngân hàng, doanh nghiệp viễn thông trong chuyển đổi số; Vai trò của Hội Nông dân Việt Nam trong tuyên truyền, đào tạo nông dân tham gia vào quá trình chuyển đổi số tài chính, ngân hàng và nâng cao hiểu biết trong quá trình sử dụng sản phẩm tài chính số; Xây dựng khung pháp lý, triển khai các sản phẩm tài chính số như chữ ký số, hợp đồng số, giao dịch điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu; Các vấn đề về an toàn, an ninh không gian mạng, tình trạng mất tài khoản, lộ dữ liệu thông tin người dùng khi tham gia không gian số;...

**Năm là**, các NHTM cần phối hợp với các doanh nghiệp ở vùng nông thôn để thiết kế các sản phẩm, dịch vụ cho phù hợp với trình độ dân trí, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin ở nông thôn. Các chi nhánh NHTM cũng cần có phương pháp tiếp thị phù hợp với các đối tượng khách hàng khác nhau ở các vùng nông thôn.

**Sáu là**, Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) Việt Nam có số lượng khách hàng đông đảo tới trên 2 triệu hộ gia đình chính sách ở các vùng nông thôn, cần đẩy mạnh dịch vụ ngân hàng số ở khu vực này. NHCSXH cần đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, cho phép hộ vay vốn trả nợ, trả lãi, gửi tiền tiết kiệm, thanh toán trên ứng dụng Mobile Banking.

**Bảy là**, hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND), với số lượng trên 1.100 Quỹ đang hoạt động chủ yếu ở các vùng nông thôn, với hàng trăm nghìn hộ thành viên gửi tiền và vay vốn. Hệ thống QTDND cũng cần được NHNN trợ giúp về công nghệ, kỹ thuật, đào tạo cán bộ, tư vấn về dịch vụ ngân

hàng số. Đồng thời NHNN trình Chính phủ, Quốc hội cho phép QTDND được giữ lại một phần thuế, hay giảm thuế để có nguồn lực tài chính đầu tư vào máy móc, công nghệ, phát triển dịch vụ ngân hàng số tới các hộ gia đình ở nông thôn, thực hiện các giao dịch gửi tiền trả nợ gốc và lãi, thanh toán trên ứng dụng Mobile Banking.

**Tám là**, cùng với hệ thống QTDND, tiến tới, dịch vụ ngân hàng số cũng cần được NHNN hỗ trợ triển khai tới các tổ tiết kiệm và vay vốn của các Tổ chức tài chính vi mô đang hoạt động ở nông thôn.

## V. Kết luận

Đảng và Chính phủ có các chủ trương, định hướng, có các nghị quyết chỉ đạo cụ thể về phát triển kinh tế số nói chung và lĩnh vực ngân hàng nói riêng. NHNN và các NHTM cùng các tổ chức trung gian thanh toán khác tích cực chuyển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng, mở rộng tới khu vực nông nghiệp - nông thôn và đạt được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng ở nông thôn vẫn đang đặt ra một số vấn đề cần phải giải quyết, bài viết đã đưa ra một hệ thống giải pháp về vấn đề này.

## Tài liệu tham khảo:

- [1]. Agribank. (2025). *Annual report 2025*. Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development. <https://www.agribank.com.vn>; ngày truy cập 19 - 24/6/2025.
- [2]. NAPAS. (2025a). *Mobile money adoption in rural areas*. National Payment Corporation of Vietnam. <https://www.napas.com.vn>; ngày truy cập 19 - 24/6/2025.
- [3]. NAPAS. (2025b). *Annual report 2025*. National Payment Corporation of Vietnam. <https://www.napas.com.vn>; ngày truy cập 19 - 24/6/2025.



- [4]. State Bank of Vietnam. (2021). *Decision No. 810/QĐ-NHNN approving the digital transformation plan of the banking sector to 2025, orientation to 2030*. <https://sbv.gov.vn>; ngày truy cập 19 - 24/6/2025.
- [5]. State Bank of Vietnam. (2024a). *Circular No. 17/2024/TT-NHNN on opening and using payment accounts*. <https://sbv.gov.vn>; ngày truy cập 19 - 24/6/2025.
- [6]. State Bank of Vietnam. (2024b). *Circular No. 40/2024/TT-NHNN on intermediary payment services*. <https://sbv.gov.vn>; ngày truy cập 19 - 24/6/2025.

## DEVELOPING DIGITAL BANKING SERVICES VIETNAM'S AGRICULTURAL AND RURAL AREA

*Dam Hong Phuong<sup>2</sup>*

**Abstract:** *In recent years, Vietnam's economic structure has been shifting strongly towards industry, trade, tourism and services. However, up to now, the rural population and agricultural workers still account for a large proportion. Agricultural, forestry and fishery production is playing an increasingly important role in annual GDP growth, especially in terms of export turnover in this sector, which is constantly increasing. Therefore, expanding digital banking services, contributing to promoting the rural economy, agricultural production and the digital economic capacity of farmers is being promoted by commercial banks in Vietnam. However, reality also shows that the expansion of digital banking to this area is facing significant difficulties, and measures are needed to overcome difficulties and promote stronger development in the coming time. The article uses qualitative research methods, focusing on clarifying the contents as mentioned.*

**Keywords:** *service development, digital banking, agriculture - rural areas, international integration*

---

<sup>2</sup> Hung Vuong University